

| STT | TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO | NGÀNH HỌC           | MÃ NGÀNH | MÃ PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN | TÊN PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN                                                                  | CHỈ TIÊU (Dự kiến) | Tổ hợp môn xét tuyển 01 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 02 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 03 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 04 |           |
|-----|------------------|---------------------|----------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|
|     |                  |                     |          |                          |                                                                                            |                    | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính |
| 1   | Đại học          | Thanh nhạc          | 7210205  |                          | Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển                   | 10                 | N00                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 2   | Đại học          | Thanh nhạc          | 7210205  |                          | Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển                      | 30                 | N00                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 3   | Đại học          | Piano               | 7210208  |                          | Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển                   | 7                  | N00                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 4   | Đại học          | Piano               | 7210208  |                          | Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển                      | 50                 | N00                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 5   | Đại học          | Quản trị kinh doanh | 7340101  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 263                | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C01                     |           |
| 6   | Đại học          | Quản trị kinh doanh | 7340101  |                          | Xét kết quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 1112               | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C01                     |           |
| 7   | Đại học          | Quản trị kinh doanh | 7340101  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 15                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 8   | Đại học          | Thương mại điện tử  | 7340122  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 42                 | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C04                     |           |
| 9   | Đại học          | Thương mại điện tử  | 7340122  |                          | Xét kết quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 230                | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C04                     |           |
| 10  | Đại học          | Thương mại điện tử  | 7340122  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 15                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |

| STT | TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO | NGÀNH HỌC             | MÃ NGÀNH | MÃ PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN | TÊN PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN                                                                  | CHỈ TIÊU (Dự kiến) | Tổ hợp môn xét tuyển 01 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 02 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 03 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 04 |           |
|-----|------------------|-----------------------|----------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|
|     |                  |                       |          |                          |                                                                                            |                    | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính |
| 11  | Đại học          | Tài chính - Ngân hàng | 7340201  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 34                 | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C04                     |           |
| 12  | Đại học          | Tài chính - Ngân hàng | 7340201  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 202                | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C04                     |           |
| 13  | Đại học          | Tài chính - Ngân hàng | 7340201  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 15                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 14  | Đại học          | Kế toán               | 7340301  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 31                 | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C04                     |           |
| 15  | Đại học          | Kế toán               | 7340301  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 167                | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C04                     |           |
| 16  | Đại học          | Kế toán               | 7340301  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 10                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 17  | Đại học          | Luật                  | 7380101  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 36                 | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C04                     |           |
| 18  | Đại học          | Luật                  | 7380101  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 207                | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C04                     |           |
| 19  | Đại học          | Luật                  | 7380101  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 15                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 20  | Đại học          | Công nghệ sinh học    | 7420201  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 12                 | A00                     |           | A02                     |           | B00                     |           | D07                     |           |
| 21  | Đại học          | Công nghệ sinh học    | 7420201  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 87                 | A00                     |           | A02                     |           | B00                     |           | D07                     |           |

| STT | TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO | NGÀNH HỌC                           | MÃ NGÀNH | MÃ PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN | TÊN PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN                                                                  | CHỈ TIÊU (Dự kiến) | Tổ hợp môn xét tuyển 01 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 02 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 03 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 04 |           |
|-----|------------------|-------------------------------------|----------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|
|     |                  |                                     |          |                          |                                                                                            |                    | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính |
| 22  | Đại học          | Công nghệ sinh học                  | 7420201  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 10                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 23  | Đại học          | Khoa học máy tính                   | 7480101  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 20                 | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C01                     |           |
| 24  | Đại học          | Khoa học máy tính                   | 7480101  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 116                | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C01                     |           |
| 25  | Đại học          | Khoa học máy tính                   | 7480101  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 10                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 26  | Đại học          | Công nghệ thông tin                 | 7480201  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 31                 | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C01                     |           |
| 27  | Đại học          | Công nghệ thông tin                 | 7480201  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 188                | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C01                     |           |
| 28  | Đại học          | Công nghệ thông tin                 | 7480201  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 15                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 29  | Đại học          | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng | 7510605  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 78                 | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C04                     |           |
| 30  | Đại học          | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng | 7510605  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 392                | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C04                     |           |

| STT | TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO | NGÀNH HỌC                           | MÃ NGÀNH | MÃ PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN | TÊN PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN                                                                  | CHỈ TIÊU (Dự kiến) | Tổ hợp môn xét tuyển 01 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 02 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 03 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 04 |           |
|-----|------------------|-------------------------------------|----------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|
|     |                  |                                     |          |                          |                                                                                            |                    | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính |
| 31  | Đại học          | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng | 7510605  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 20                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 32  | Đại học          | Kỹ thuật điện tử - viễn thông       | 7520207  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 10                 | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C01                     |           |
| 33  | Đại học          | Kỹ thuật điện tử - viễn thông       | 7520207  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 55                 | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C01                     |           |
| 34  | Đại học          | Kỹ thuật điện tử - viễn thông       | 7520207  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 5                  | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 35  | Đại học          | Công nghệ thực phẩm                 | 7540101  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 22                 | A00                     |           | B02                     |           | B00                     |           | D07                     |           |
| 36  | Đại học          | Công nghệ thực phẩm                 | 7540101  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 130                | A00                     |           | B02                     |           | B00                     |           | D07                     |           |
| 37  | Đại học          | Công nghệ thực phẩm                 | 7540101  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 10                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 38  | Đại học          | Ngôn ngữ Anh                        | 7220201  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 47                 | A01                     |           | D01                     |           | D10                     |           | D15                     |           |
| 39  | Đại học          | Ngôn ngữ Anh                        | 7220201  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 278                | A01                     |           | D01                     |           | D10                     |           | D15                     |           |

| STT | TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO | NGÀNH HỌC           | MÃ NGÀNH | MÃ PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN | TÊN PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN                                                                  | CHỈ TIÊU (Dự kiến) | Tổ hợp môn xét tuyển 01 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 02 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 03 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 04 |           |
|-----|------------------|---------------------|----------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|
|     |                  |                     |          |                          |                                                                                            |                    | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính |
| 40  | Đại học          | Ngôn ngữ Anh        | 7220201  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 20                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 41  | Đại học          | Ngôn ngữ Pháp       | 7220203  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 5                  | A01                     |           | D01                     |           | D10                     |           | D15                     |           |
| 42  | Đại học          | Ngôn ngữ Pháp       | 7220203  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 20                 | A01                     |           | D01                     |           | D10                     |           | D15                     |           |
| 43  | Đại học          | Ngôn ngữ Pháp       | 7220203  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 5                  | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 44  | Đại học          | Ngôn ngữ Trung Quốc | 7220204  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 30                 | A01                     |           | D01                     |           | D10                     |           | D15                     |           |
| 45  | Đại học          | Ngôn ngữ Trung Quốc | 7220204  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 160                | A01                     |           | D01                     |           | D10                     |           | D15                     |           |
| 46  | Đại học          | Ngôn ngữ Trung Quốc | 7220204  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 10                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 47  | Đại học          | Ngôn ngữ Nhật       | 7220209  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 30                 | A01                     |           | D01                     |           | D10                     |           | D15                     |           |
| 48  | Đại học          | Ngôn ngữ Nhật       | 7220209  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 160                | A01                     |           | D01                     |           | D10                     |           | D15                     |           |
| 49  | Đại học          | Ngôn ngữ Nhật       | 7220209  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 10                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |

| STT | TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO | NGÀNH HỌC   | MÃ NGÀNH | MÃ PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN | TÊN PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN                                                                  | CHỈ TIÊU (Dự kiến) | Tổ hợp môn xét tuyển 01 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 02 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 03 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 04 |           |
|-----|------------------|-------------|----------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|
|     |                  |             |          |                          |                                                                                            |                    | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính |
| 50  | Đại học          | Văn học     | 7229030  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 15                 | C00                     |           | D01                     |           | D14                     |           | D15                     |           |
| 51  | Đại học          | Văn học     | 7229030  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 80                 | C00                     |           | D01                     |           | D14                     |           | D15                     |           |
| 52  | Đại học          | Văn học     | 7229030  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 5                  | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 53  | Đại học          | Văn hoá học | 7229040  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 5                  | C00                     |           | D01                     |           | D14                     |           | D15                     |           |
| 54  | Đại học          | Văn hoá học | 7229040  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 20                 | C00                     |           | D01                     |           | D14                     |           | D15                     |           |
| 55  | Đại học          | Văn hoá học | 7229040  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 5                  | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 56  | Đại học          | Kinh tế     | 7310101  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 45                 | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C04                     |           |
| 57  | Đại học          | Kinh tế     | 7310101  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 241                | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C04                     |           |
| 58  | Đại học          | Kinh tế     | 7310101  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 15                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 59  | Đại học          | Xã hội học  | 7310301  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 14                 | A00                     |           | C00                     |           | D01                     |           | C04                     |           |
| 60  | Đại học          | Xã hội học  | 7310301  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 73                 | A00                     |           | C00                     |           | D01                     |           | C04                     |           |

| STT | TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO | NGÀNH HỌC       | MÃ NGÀNH | MÃ PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN | TÊN PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN                                                                  | CHỈ TIÊU (Dự kiến) | Tổ hợp môn xét tuyển 01 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 02 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 03 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 04 |           |
|-----|------------------|-----------------|----------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|
|     |                  |                 |          |                          |                                                                                            |                    | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính |
| 61  | Đại học          | Xã hội học      | 7310301  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 5                  | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 62  | Đại học          | Tâm lý học      | 7310401  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 24                 | A00                     |           | B00                     |           | C00                     |           | D01                     |           |
| 63  | Đại học          | Tâm lý học      | 7310401  |                          | Xét quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                          | 136                | A00                     |           | B00                     |           | C00                     |           | D01                     |           |
| 64  | Đại học          | Tâm lý học      | 7310401  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 10                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 65  | Đại học          | Đông phương học | 7310608  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 30                 | A01                     |           | D01                     |           | D10                     |           | D15                     |           |
| 66  | Đại học          | Đông phương học | 7310608  |                          | Xét quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                          | 160                | A01                     |           | D01                     |           | D10                     |           | D15                     |           |
| 67  | Đại học          | Đông phương học | 7310608  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 10                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 68  | Đại học          | Việt Nam học    | 7310630  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 5                  | C00                     |           | D01                     |           | D14                     |           | D15                     |           |
| 69  | Đại học          | Việt Nam học    | 7310630  |                          | Xét quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                          | 20                 | C00                     |           | D01                     |           | D14                     |           | D15                     |           |
| 70  | Đại học          | Việt Nam học    | 7310630  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 5                  | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |

| STT | TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO | NGÀNH HỌC                           | MÃ NGÀNH | MÃ PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN | TÊN PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN                                                                  | CHỈ TIÊU (Dự kiến) | Tổ hợp môn xét tuyển 01 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 02 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 03 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 04 |           |
|-----|------------------|-------------------------------------|----------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|
|     |                  |                                     |          |                          |                                                                                            |                    | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính |
| 71  | Đại học          | Truyền thông đa phương tiện         | 7320104  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 41                 | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C01                     |           |
| 72  | Đại học          | Truyền thông đa phương tiện         | 7320104  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 224                | A00                     |           | A01                     |           | D01                     |           | C01                     |           |
| 73  | Đại học          | Truyền thông đa phương tiện         | 7320104  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 15                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 74  | Đại học          | Quan hệ công chúng                  | 7320108  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 24                 | C00                     |           | D01                     |           | D14                     |           | D15                     |           |
| 75  | Đại học          | Quan hệ công chúng                  | 7320108  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 136                | C00                     |           | D01                     |           | D14                     |           | D15                     |           |
| 76  | Đại học          | Quan hệ công chúng                  | 7320108  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 10                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 77  | Đại học          | Du lịch                             | 7810101  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 34                 | A00                     |           | C00                     |           | D01                     |           | C04                     |           |
| 78  | Đại học          | Du lịch                             | 7810101  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 194                | A00                     |           | C00                     |           | D01                     |           | C04                     |           |
| 79  | Đại học          | Du lịch                             | 7810101  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 15                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 80  | Đại học          | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 7810103  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 29                 | A00                     |           | C00                     |           | D01                     |           | C04                     |           |

| STT | TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO | NGÀNH HỌC                           | MÃ NGÀNH | MÃ PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN | TÊN PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN                                                                  | CHỈ TIÊU (Dự kiến) | Tổ hợp môn xét tuyển 01 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 02 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 03 |           | Tổ hợp môn xét tuyển 04 |           |
|-----|------------------|-------------------------------------|----------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-----------|
|     |                  |                                     |          |                          |                                                                                            |                    | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính | Mã tổ hợp               | Môn chính |
| 81  | Đại học          | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 7810103  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 176                | A00                     |           | C00                     |           | D01                     |           | C04                     |           |
| 82  | Đại học          | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 7810103  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 15                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |
| 83  | Đại học          | Quản trị khách sạn                  | 7810201  |                          | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT                                                            | 30                 | A00                     |           | C00                     |           | D01                     |           | C04                     |           |
| 84  | Đại học          | Quản trị khách sạn                  | 7810201  |                          | Xét quả quả học tập cấp THPT (Học bạ)                                                      | 160                | A00                     |           | C00                     |           | D01                     |           | C04                     |           |
| 85  | Đại học          | Quản trị khách sạn                  | 7810201  |                          | Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển | 10                 | NL1                     |           |                         |           |                         |           |                         |           |